

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA



BÀI TẬP LỚN
MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC
ĐỀ TÀI

VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
THỰC TRẠNG VIỆC KẾT HÔN MUỘN Ở GIỚI TRẺ HIỆN NAY

LỚP L10 --- NHÓM 15 --- HK 241

NGÀY NỘP 27/10/2024

Giảng viên hướng dẫn: ThS.Đặng Kiều Diễm

Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Điểm số
Lữ Xuân Minh	2212051	
Đỗ Đăng Gia Huy	2211165	
Phạm Khánh Hoàng	2211113	
Trần Anh Khoa	2211646	
Lê Nguyễn Tường Linh	2211850	
Đặng Võ Phước Thịnh	2213267	
Kim Nhật Tuấn	2213771	
Lê Xuân Thái	2213103	
Nguyễn Mạnh Toàn	2213532	
Nguyễn Quốc Trọng	2213565	

Thành phố Hồ Chí Minh – 2024




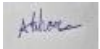






BÁO CÁO KẾT QUẢ LÀM VIỆC NHÓM VÀ BẢNG ĐIỂM BTL

Môn: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (MSMH: SP1035)

Nhóm/Lớp: L10 Tên nhóm: Quyết thắng HK 241 Năm học 2024 - 2025

Đề tài:

VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Nhiệm vụ được phân công	% Điểm BTL	Điểm BTL	Ký tên
1	2212051	Lữ Xuân	Minh	Phần mở bài. Kiểm tra và chỉnh sửa nội dung	100%		
2	2211165	Đỗ Đăng Gia	Huy	Phần 2.1	100%		
3	2211113	Phạm Khánh	Hoàng	Phần 1.1	100%		
4	2211646	Trần Anh	Khoa	Mở đầu, Kết luận và chỉnh sửa hình thức báo cáo	100%		
5	2211850	Lê Nguyễn Tường	Linh	Phần 2.2 (Mặt tích cực)	100%		
6	2213267	Đặng Võ Phước	Thịnh	Phần 1.2.1, 1.2.2	100%		
7	2213771	Kim Nhật	Tuấn	Phần 2.2 (Mặt hạn chế)	100%		
8	2213103	Lê Xuân	Thái	Phần 2.3 (2 ý cuối)	100%		
9	2213532	Nguyễn Mạnh	Toàn	2.3 (2 ý đầu)	100%		
10	2213565	Nguyễn Quốc	Trạng	Phần 1.2.3, 1.2.4	100%		

Họ và tên nhóm trưởng: Lữ Xuân Minh, Số ĐT: 0981430418, Email: minh.luxuanhcmut@hcmut.edu.vn

Nhận xét của GV:
.....

GIẢNG VIÊN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

NHÓM TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ, tên)



Lữ Xuân Minh

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	2
PHẦN NỘI DUNG	4
Chương 1. VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....	4
1.1 Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình	4
1.1.1 Khái niệm gia đình	4
1.1.2 Vị trí của gia đình trong xã hội	5
1.1.3 Chức năng cơ bản của gia đình	7
1.2 Những cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	10
1.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội	10
1.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội	13
1.2.3. Cơ sở văn hóa	14
Chương 2. THỰC TRẠNG VIỆC KẾT HÔN MUỘN Ở GIỚI TRẺ HIỆN NAY	17
2.1. Thực trạng lười yêu, ngại cưới ở giới trẻ hiện nay	17
2.1.1. Thực trạng	17
2.1.2. Nguyên nhân	17
2.2. Xu hướng kết hôn muộn của giới trẻ hiện nay	18
2.2.1. Mặt tích cực	20
2.2.2. Mặt hạn chế:	24
2.3. Biện pháp	28
KẾT LUẬN	30
TÀI LIỆU THAM KHẢO	32

VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

THỰC TRẠNG KẾT HÔN MUỘN Ở GIỚI TRẺ HIỆN NAY

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề gia đình trở thành một yếu tố quan trọng. Một số điểm nổi bật về tầm quan trọng của gia đình: Gia đình là nơi hình thành các giá trị đạo đức, văn hóa. Gia đình không chỉ tiêu dùng mà còn là đơn vị sản xuất. Việc khuyến khích gia đình tham gia vào các hoạt động kinh tế sẽ thúc đẩy sự phát triển bền vững. Gia đình đóng vai trò quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe, giáo dục và hỗ trợ tinh thần cho các thành viên. Vì vậy giúp tạo ra một xã hội vững mạnh và đoàn kết hơn. Gia đình là nơi thể hiện những vấn đề về bình đẳng giới. Việc thúc đẩy bình đẳng trong gia đình sẽ góp phần vào việc xây dựng một xã hội công bằng và văn minh. Trong thời kỳ chuyển đổi, các giá trị truyền thống có thể bị thách thức. Gia đình giúp duy trì sự ổn định xã hội thông qua việc giữ gìn các truyền thống và văn hóa tốt đẹp, đồng thời tạo ra một môi trường an toàn cho các thành viên.

Kết hôn muộn đang trở thành một xu hướng phổ biến ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Một trong những nguyên nhân có thể nói đến như: nhiều bạn trẻ ưu tiên việc học hành và phát triển sự nghiệp hơn là lập gia đình. Giới trẻ hiện nay chịu áp lực lớn trong công việc, họ thường muốn đạt được sự ổn định tài chính trước khi kết hôn. Nhiều người trẻ coi trọng tự do cá nhân, sự độc lập và tìm kiếm tình yêu đích thực trước khi quyết định kết hôn. Những nguyên nhân đó đã dẫn đến sự thay đổi trong cấu trúc gia đình và đời sống hôn nhân. Kết hôn muộn có thể ảnh hưởng đến khả năng sinh sản, đặc biệt đối với phụ nữ. Tuổi tác càng cao, nguy cơ gặp vấn đề về sức khỏe khi mang thai cũng tăng lên. Nhiều người trẻ cảm thấy áp lực từ gia đình và xã hội về việc chưa lập gia đình, điều này có thể dẫn đến lo âu và cảm giác đơn độc.

Vì vậy, nhóm chọn đề tài “*Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*” nhằm truyền đạt, làm rõ những khái niệm, vai trò của gia đình và các vấn đề về kết hôn muộn ở giới trẻ, từ đó đưa ra những hậu quả và biện pháp khắc phục.

2. Nhiệm vụ của đề tài

Làm rõ:

- Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình
- Những cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội
- Thực trạng lười yêu, ngại cưới ở giới trẻ hiện nay
- Xu hướng kết hôn muộn của giới trẻ hiện nay
- Biện pháp

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1. VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1.1 Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình

1.1.1 Khái niệm gia đình

Gia đình là một cộng đồng người đặc biệt, có vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của xã hội. C.Mác và Ph.Ăngghen, khi đề cập đến gia đình đã cho rằng: “Quan hệ thứ ba tham dự ngay từ đầu vào quá trình phát triển lịch sử: hàng ngày tái tạo ra đời sống của bản thân mình, con người bắt đầu tạo ra những người khác, sinh sôi, nảy nở - đó là quan hệ giữa chồng và vợ, cha mẹ và con cái, đó là gia đình”. Cơ sở hình thành gia đình là hai mối quan hệ cơ bản, quan hệ hôn nhân (vợ và chồng) và quan hệ huyết thống (cha mẹ và con cái...). Những mối quan hệ này tồn tại trong sự gắn bó, liên kết, ràng buộc và phụ thuộc lẫn nhau, bởi nghĩa vụ, quyền lợi và trách nhiệm của mỗi người, được quy định bằng pháp lý hoặc đạo lý.

Quan hệ hôn nhân là cơ sở, nền tảng hình thành nên các mối quan hệ khác trong gia đình. Hôn nhân là cơ pháp lý cho sự tồn tại của mỗi gia đình. Quan hệ huyết thống là quan hệ giữa những người cùng một dòng máu, nảy sinh từ quan hệ hôn nhân. Đây là mối quan hệ tự nhiên, là yếu tố mạnh mẽ nhất gắn kết các thành viên trong gia đình với nhau.

Trong gia đình, ngoài hai mối quan hệ cơ bản là quan hệ giữa vợ và chồng, quan hệ giữa cha mẹ với con cái, còn có các mối quan hệ khác, quan hệ giữa ông bà với cháu chắt, giữa anh chị em với nhau, giữa cô, dì, chú bác với cháu v.v.. Ngày nay, ở Việt Nam cũng như trên thế giới còn thừa nhận quan hệ cha mẹ nuôi (người đỡ đầu) với con nuôi (được công nhận bằng thủ tục pháp lý) trong quan hệ gia đình. Dù hình thành từ hình thức nào, trong gia đình tất yếu nảy sinh quan hệ nuôi dưỡng, đó là sự quan tâm chăm sóc nuôi dưỡng giữa các thành viên trong gia đình cả về vật chất và tinh thần. Nó vừa là trách nhiệm, nghĩa vụ, vừa là một quyền lợi thiêng liêng giữa các thành viên trong gia đình. Trong xã hội hiện đại, hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc gia đình được xã hội quan tâm chia sẻ, song không thể thay thế hoàn toàn sự chăm sóc, nuôi dưỡng của gia đình.

Các quan hệ này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau và biến đổi, phát triển phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế và thể chế chính trị - xã hội.

Như vậy, gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành và duy trì củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

1.1.2 Vị trí của gia đình trong xã hội

Gia đình là tế bào của xã hội, gia đình có vai trò quyết định đối với sự tồn tại, vận động và phát triển của xã hội. Ph. Ăngghen đã chỉ rõ: “Theo quan điểm duy vật thì nhân tố quyết định trong lịch sử, quy cho đến cùng, là sản xuất và tái sản xuất ra đời sống trực tiếp. Nhưng bản thân sự sản xuất đó lại có hai loại. Một mặt là sản xuất ra tư liệu sinh hoạt: thực phẩm, quần áo, nhà ở và những công cụ cần thiết để sản xuất ra những thứ đó; mặt khác là sự sản xuất ra bản thân con người, là sự truyền nòi giống. Những trật tự xã hội, trong đó những con người của một thời đại lịch sử nhất định và của một nước nhất định đang sống, là do hai loại sản xuất quyết định: một mặt là do trình độ phát triển của lao động và mặt khác là do trình độ phát triển của gia đình”.

Với việc sản xuất ra tư liệu tiêu dùng, tư liệu sản xuất, tái sản xuất ra con người, gia đình như một tế bào tự nhiên, là một đơn vị cơ sở để tạo nên cơ thể - xã hội. Không có gia đình để tái tạo ra con người thì xã hội không thể tồn tại và phát triển được. Vì vậy, muốn có một xã hội phát triển lành mạnh thì phải quan tâm xây dựng tế bào gia đình tốt, như chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “...nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội chính là gia đình”.

Tuy nhiên, mức độ tác động của gia đình đối với xã hội lại phụ thuộc vào bản chất của từng chế độ xã hội, vào đường lối, chính sách của giai cấp cầm quyền, và phụ thuộc vào chính bản thân mô hình, kết cấu, đặc điểm của mỗi hình thức gia đình trong lịch sử. Vì vậy, trong mỗi giai đoạn của lịch sử, tác động của gia đình đối với xã hội không hoàn toàn giống nhau. Trong các xã hội dựa trên cơ sở của chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, sự bất bình đẳng trong quan hệ xã hội và quan hệ gia đình đã hạn chế rất lớn đến sự tác động của gia đình đối với xã hội. Chỉ khi con người được yên ấm, hòa

thuận trong gia đình, thì mới có thể yên tâm lao động, sáng tạo và đóng góp sức mình cho xã hội và ngược lại. Chính vì vậy, quan tâm xây dựng quan hệ xã hội, quan hệ gia đình bình đẳng, hạnh phúc là vấn đề hết sức quan trọng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên. Từ khi còn nằm trong bụng mẹ, đến lúc lọt lòng và suốt cả cuộc đời, mỗi cá nhân đều gắn bó chặt chẽ với gia đình. Gia đình là môi trường tốt nhất để mỗi cá nhân được yêu thương, nuôi dưỡng, chăm sóc, trưởng thành, phát triển. Sự yên ổn, hạnh phúc của mỗi gia đình là tiền đề, điều kiện quan trọng cho sự hình thành, phát triển nhân cách, thể lực, trí lực để trở thành công dân tốt cho xã hội. Chỉ trong môi trường yên ấm của gia đình, cá nhân mới cảm thấy bình yên, hạnh phúc, có động lực để phấn đấu trở thành con người xã hội tốt.

Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội. Gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên mà mỗi cá nhân sinh sống, có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành và phát triển nhân cách của mỗi người. Chỉ trong gia đình, mới thể hiện được quan hệ tình cảm thiêng liêng, sâu đậm giữa vợ và chồng, cha mẹ và con cái, anh chị em với nhau mà không cộng đồng có được và có thể thay thế.

Tuy nhiên, mỗi cá nhân lại không thể chỉ sống trong quan hệ tình cảm gia đình, mà còn có nhu cầu quan hệ xã hội, quan hệ với những người khác, ngoài các thành viên trong gia đình. Mỗi cá nhân không chỉ là thành viên của gia đình mà còn là thành viên của xã hội. Quan hệ giữa các thành viên trong gia đình đồng thời cũng là quan hệ giữa các thành viên của xã hội. Không có cá nhân bên ngoài gia đình, cũng không thể có cá nhân bên ngoài xã hội. Gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên đáp ứng nhu cầu quan hệ xã hội của mỗi cá nhân. Gia đình cũng chính là môi trường đầu tiên mà mỗi cá nhân học được và thực hiện quan hệ xã hội.

Ngược lại, gia đình cũng là một trong những cộng đồng dễ xã hội tác động đến cá nhân. Nhiều thông tin, hiện tượng của xã hội tác động thông qua lăng kính gia đình mà tác động tích cực hoặc tiêu cực đến sự phát triển của mỗi cá nhân về tư tưởng, đạo đức, lối sống, nhân cách v.v.. Xã hội nhận thức đầy đủ và toàn diện hơn về khi xem xét cá nhân trong quan hệ với gia đình. Có những vấn đề quản lý xã hội phải thông qua hoạt động của gia đình để tác động đến cá nhân. Nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi cá

nhân được thực hiện với sự hợp tác của các thành viên trong gia đình. Chính vì vậy, ở bất cứ xã hội nào, giai cấp cầm quyền muốn quản lý xã hội theo yêu cầu của mình, cũng đều coi trọng việc xây dựng và củng cố gia đình. Vậy nên, đặc điểm của gia đình trong mỗi chế độ xã hội có khác nhau. Trong xã hội phong kiến, để củng cố, duy trì chế độ bóc lột, với quan hệ gia trưởng, độc đoán, chuyên quyền đã có những quy định rất khắt khe đối với phụ nữ, đòi hỏi người phụ nữ phải tuyệt đối trung thành với người chồng, người cha - những người đàn ông trong gia đình. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, để xây dựng một xã hội thật sự bình đẳng, con người được giải phóng, giai cấp công nhân chủ trương bảo vệ chế độ hôn nhân một vợ một chồng, thực hiện sự bình đẳng trong gia đình, giải phóng phụ nữ. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa”. Vì vậy, quan hệ gia đình có đặc điểm khác về chất so với các xã hội trước đó.

1.1.3 Chức năng cơ bản của gia đình

Chức năng tái sản xuất ra con người: đây là chức năng đặc thù của gia đình, không một cộng đồng nào có thể thay thế. Chức năng này không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm, sinh lý tự nhiên của con người, đáp ứng nhu cầu duy trì nòi giống của gia đình, dòng họ mà còn đáp ứng nhu cầu về sức lao động của xã hội.

Việc thực hiện chức năng tái sản xuất ra con người diễn ra trong từng gia đình, nhưng nó không chỉ là việc riêng của gia đình mà là vấn đề xã hội. Bởi vì, nó quyết định đến mật độ dân cư và nguồn lực lao động của một quốc gia và quốc tế, một yếu tố cấu thành của tồn tại xã hội. Thực hiện chức năng này liên quan chặt chẽ đến sự phát triển mọi mặt đời sống của xã hội. Vì vậy, tùy theo từng nơi, phụ thuộc vào nhu cầu của xã hội, chức năng này được thực hiện theo xu hướng hạn chế hay khuyến khích. Trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ảnh hưởng đến chất lượng nguồn lực lao động mà gia đình cung cấp.

Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục, bên cạnh chức năng sinh đẻ, gia đình còn có trách nhiệm nuôi dưỡng, dạy dỗ con cái trở thành người có ích cho gia đình, cộng đồng và xã hội. Chức năng này thể hiện tình cảm thiêng liêng, trách nhiệm của cha mẹ với con cái, đồng thời thể hiện trách nhiệm của gia đình với xã hội. Thực hiện chức năng này, gia đình có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự hình thành nhân cách, đạo đức,

lối sống của mỗi người. Bởi vì, ngay khi sinh ra, trước tiên mỗi người đều chịu sự giáo dục trực tiếp của cha mẹ và người thân trong gia đình. Những hiểu biết đầu tiên, mà gia đình đem lại đều có ý nghĩa rất quan trọng đối với một đời người. Vì vậy, gia đình là một môi trường văn hóa, giáo dục, và là khách thể chịu sự giáo dục của các thành viên khác trong gia đình.

Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục có ảnh hưởng lâu dài và toàn diện đối với mỗi cá nhân trong suốt cuộc đời, từ lúc còn bé cho đến khi trưởng thành và tuổi già. Mỗi thành viên trong gia đình đều có vị trí, vai trò nhất định vừa là chủ thể, vừa là khách thể trong việc nuôi dưỡng, giáo dục của gia đình. Đây là chức năng hết sức quan trọng, mặc dù, trong xã hội có nhiều cộng đồng khác (nhà trường, các đoàn thể, chính quyền v.v..) cũng thực hiện chức năng này, nhưng không thể thay thế chức năng giáo dục của gia đình. Với chức năng này, gia đình góp phần to lớn vào việc đào tạo thế hệ trẻ, thế hệ tương lai của xã hội, cung cấp nguồn lao động để duy trì sự trường tồn của xã hội. Vì vậy, giáo dục của gia đình gắn liền với giáo dục của xã hội. Nếu giáo dục của gia đình không gắn liền với giáo dục của xã hội, mỗi cá nhân sẽ khó khăn khi hòa nhập với xã hội, và ngược lại, giáo dục của xã hội sẽ không đạt được hiệu quả cao khi không kết hợp với giáo dục gia đình, không lấy giáo dục gia đình là nền tảng. Do vậy, cần tránh khuynh hướng coi trọng giáo dục gia đình mà hạ thấp giáo dục xã hội hoặc ngược lại. Bởi cả hai khuynh hướng ấy, mỗi cá nhân đều không phát triển toàn diện. Thực hiện tốt chức năng nuôi dưỡng, giáo dục, đòi hỏi mỗi người làm cha, làm mẹ phải có kiến thức cơ bản, tương đối toàn diện về mọi mặt văn hóa, học vấn, đặc biệt là phương pháp giáo dục.

Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng, cũng như các đơn vị kinh tế khác, gia đình tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng. Tuy nhiên, đặc thù của gia đình mà các đơn vị kinh tế khác không có được, là ở chỗ, gia đình là đơn vị duy nhất tham gia vào quá trình tái sản xuất ra sức lao động cho xã hội.

Gia đình không chỉ tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất ra của cải vật chất và sức lao động cho xã hội, mà còn là một đơn vị tiêu dùng trong xã hội. Gia đình thực hiện chức năng tổ chức tiêu dùng hàng hóa để duy trì đời sống của gia đình về lao động sản xuất cũng như sinh hoạt gia đình. Đó là việc sử dụng hợp lý các khoản thu

nhập của các thành viên trong gia đình vào việc đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của mỗi thành viên cùng với việc sử dụng quỹ thời gian nhàn rỗi để tạo ra một môi trường văn hóa lành mạnh trong gia đình, nhằm nâng cao sức khỏe, đồng thời để duy trì sở thích, sắc thái riêng của mỗi người.

Cùng với sự phát triển của xã hội, ở mỗi hình thức gia đình và ngay cả ở một hình thức gia đình, nhưng tùy theo từng giai đoạn phát triển của xã hội, chức năng kinh tế của gia đình có sự khác nhau, về quy mô sản xuất, sở hữu tư liệu sản xuất và cách thức tổ chức sản xuất và phân phối. Vị trí, vai trò của kinh tế gia đình và mối quan hệ của kinh tế gia đình với các đơn vị kinh tế khác trong xã hội cũng không hoàn toàn giống nhau.

Thực hiện chức năng này, gia đình đảm bảo nguồn sinh sống, đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần của các thành viên trong gia đình. Hiệu quả hoạt động kinh tế của gia đình quyết định hiệu quả đời sống vật chất và tinh thần của mỗi thành viên gia đình. Đồng thời, gia đình đóng góp vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra của cải, sự giàu có của xã hội. Gia đình có thể phát huy một cách có hiệu quả mọi tiềm năng của mình về vốn, về sức lao động, tay nghề của người lao động, tăng nguồn của cải vật chất cho gia đình và xã hội. Thực hiện tốt chức năng này, không những tạo cho gia đình có cơ sở để tổ chức tốt đời sống, nuôi dạy con cái, mà còn đóng góp to lớn đối với sự phát triển của xã hội.

Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình, đây là chức năng thường xuyên của gia đình, bao gồm việc thỏa mãn nhu cầu tình cảm, văn hóa, tinh thần cho các thành viên, đảm bảo sự cân bằng tâm lý, bảo vệ chăm sóc sức khỏe người ốm, người già, trẻ em. Sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình vừa là nhu cầu tình cảm vừa là trách nhiệm, đạo lý, lương tâm của mỗi người. Do vậy, gia đình là chỗ dựa tình cảm cho mỗi người, là nơi nương tựa về mặt tinh thần chứ không chỉ là nơi nương tựa về vật chất của con người. Với việc duy trì tình cảm giữa các thành viên, gia đình có ý nghĩa quyết định đến sự ổn định và phát triển của xã hội. Khi các quan hệ tình cảm gia đình rạn nứt, quan hệ tình cảm trong xã hội cũng có nguy cơ bị phá vỡ.

Ngoài những chức năng trên, gia đình còn có chức năng văn hóa, chức năng chính trị... Với chức năng văn hóa, gia đình là nơi lưu giữ truyền thống văn hóa của

dân tộc cũng như tộc người. Những phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hóa của cộng đồng được thực hiện trong gia đình. Gia đình không chỉ là nơi ưu giữ mà còn là nơi sáng tạo và thực hiện những giá trị đạo đức, văn hóa. Với chức năng chính trị, gia đình là một tổ chức chính trị của xã hội, là nơi tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước và quy chế(hương ước) của làng xã và hưởng lợi từ hệ thống pháp luật, chính sách và quy chế đó. Gia đình cũng là cầu nối của mối quan hệ giữa nhà nước với công dân.

1.2 Những cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1.2.1 Cơ sở kinh tế - xã hội

Sự phát triển của lực lượng sản xuất và tương ứng với trình độ của lực lượng sản xuất là quan hệ sản xuất mới, mà cốt lõi là chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất. Nguồn gốc của chế độ người áp bức, bóc lột người, bất bình đẳng trong xã hội và gia đình dần được xóa bỏ, tạo cơ sở kinh tế cho việc xây dựng quan hệ bình đẳng và giải phóng phụ nữ.

Trong bối cảnh xã hội chủ nghĩa, khái niệm " chế độ nô lệ gia đình " đã được phân tích và chỉ trích như một phần của hệ thống bất bình đẳng giới trước đây. Chế độ nô lệ gia đình mô tả tình trạng mà phụ nữ bị ràng buộc vào các vai trò truyền thống, họ bị áp bức và khai thác trong gia đình, thường xuyên phải gánh vác các công việc nội trợ và chăm sóc con cái mà không được công nhận hoặc đền bù xứng đáng. V.I.V.I.Lenin đã chỉ trích điều này khi ông nói rằng " phụ nữ bị giam giữ trong một trạng thái nô lệ trong gia đình, nơi họ trở thành những công cụ lao động không được trả lương, bị bóc lột cả về thể xác lẫn tinh thần "¹. Trong xã hội chủ nghĩa, nỗ lực giải phóng phụ nữ khỏi chế độ này là một mục tiêu quan trọng. Khi xã hội tiến đến một mô hình bình đẳng hơn, vai trò của người phụ nữ không còn bị giới hạn trong khuôn khổ nô lệ gia đình, mà thay vào đó phụ nữ được trao quyền tham gia đầy đủ vào lực lượng lao động và các quyết định trong gia đình. Sự chia sẻ công việc gia đình cùng trách nhiệm nuôi dạy con cái giữa đàn ông với phụ nữ không chỉ giúp xóa bỏ chế độ nô lệ gia đình mà còn tạo ra một môi trường gia đình công bằng và tiến bộ, nơi mọi thành viên đều có cơ hội phát triển, đóng góp.

¹ Lenin, V. I. (1972). The Emancipation of Women. Moscow: Progress Publishers.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vai trò của người đàn ông và phụ nữ trong gia đình trải qua những thay đổi căn bản. Trước đây, xã hội truyền thống thường phân công vai trò cho từng giới theo một cách cứng nhắc, nơi đàn ông được coi là trụ cột gia đình, chịu trách nhiệm kiếm sống, còn phụ nữ đảm nhiệm việc nội trợ và chăm sóc con cái. Tuy nhiên, với sự phát triển của chủ nghĩa xã hội, những vai trò này bắt đầu được thay đổi, nhằm đạt đến sự bình đẳng và công bằng trong gia đình.

Trước hết, người phụ nữ trong gia đình thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã đạt được nhiều tiến bộ đáng kể. Việc giải phóng phụ nữ khỏi sự ràng buộc của hệ thống gia trưởng và những bất công về giới là một thành tựu lớn. Phụ nữ không chỉ giới hạn ở vai trò nội trợ mà còn tham gia tích cực vào lực lượng lao động, đóng góp vào kinh tế gia đình và xã hội. Điều này thay đổi căn bản vai trò của phụ nữ trong gia đình, từ một người bị phụ thuộc trở thành một cá nhân có vị trí và tiếng nói ngang hàng với đàn ông. Bên cạnh đó, việc phụ nữ ra ngoài làm việc cũng đồng nghĩa với việc trách nhiệm chăm sóc gia đình không còn là nhiệm vụ của riêng họ mà được chia sẻ giữa cả hai giới.

Trong khi đó, vai trò của người đàn ông trong gia đình cũng thay đổi đáng kể. Không còn là người duy nhất đảm nhận vai trò kinh tế, đàn ông trong thời kỳ này phải chia sẻ trách nhiệm với phụ nữ trong việc chăm sóc con cái và các công việc nội trợ. Sự thay đổi này không chỉ giảm bớt gánh nặng cho phụ nữ mà còn giúp thúc đẩy sự bình đẳng giới trong gia đình. Đàn ông tham gia nhiều hơn vào công việc gia đình, đồng thời giữ vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ và khuyến khích sự phát triển toàn diện của các thành viên trong gia đình, đặc biệt là vợ và con cái.

Mô hình gia đình xã hội chủ nghĩa đặt trọng tâm vào sự bình đẳng, đoàn kết và tiến bộ. Trong gia đình này, các quyết định không còn do một cá nhân thống trị mà được thảo luận và đưa ra dựa trên sự đồng thuận của tất cả các thành viên. Công việc gia đình được chia sẻ đồng đều, giảm bớt gánh nặng cho phụ nữ và tạo điều kiện cho cả hai giới phát triển. Đồng thời sự chuyển đổi từ hệ thống gia trưởng sang chế độ nô lệ gia đình đã dẫn đến việc nhà nước cùng các tổ chức xã hội đóng vai trò lớn trong việc giáo dục và chăm sóc trẻ em. Ph. Ăngghen đã chỉ ra rằng " việc nuôi dạy con cái trong một xã hội công bằng không chỉ là trách nhiệm của gia đình mà còn cần sự hỗ

trợ và can thiệp của xã hội để đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ em "². Điều này phản ánh sự quan tâm toàn diện của xã hội đối với sự phát triển của thể hệ trẻ, giúp xây dựng một gia đình không chỉ dựa trên trách nhiệm nội bộ mà còn được hỗ trợ bởi các chính sách xã hội và giáo dục. Sự tham gia của cả cha mẹ và xã hội trong việc nuôi dạy con cái đảm bảo rằng trẻ em được phát triển trong môi trường bình đẳng, lành mạnh và hỗ trợ. Qua đó xóa bỏ được chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất là nguồn gốc của tình trạng thống trị của người đàn ông trong gia đình, sự bất bình đẳng giữa nam và nữ, giữa vợ và chồng, sự nô dịch đối với phụ nữ.

Tuy nhiên, việc thay đổi vai trò của đàn ông và phụ nữ trong gia đình không phải lúc nào cũng diễn ra suôn sẻ. Các định kiến xã hội lâu đời về vai trò giới vẫn tồn tại, gây ra nhiều thách thức cho quá trình bình đẳng hóa trong gia đình. Bên cạnh đó, cả đàn ông và phụ nữ đều phải đối mặt với áp lực cân bằng giữa công việc và gia đình. Để tiếp tục thúc đẩy bình đẳng giới trong gia đình, cần có sự hỗ trợ từ chính sách nhà nước, giáo dục và sự thay đổi trong nhận thức xã hội về vai trò của mỗi giới trong gia đình.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, một trong những cơ sở quan trọng để xây dựng gia đình là xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Chế độ tư hữu, trong đó tư liệu sản xuất thuộc về một số cá nhân hoặc giai cấp đã dẫn đến sự bất bình đẳng và bóc lột. Ph. Ăngghen đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xóa bỏ chế độ này khi ông viết: "Chế độ tư hữu là nguyên nhân cơ bản của tất cả các hình thức bóc lột và áp bức trong xã hội. Để xây dựng một xã hội công bằng, phải thay đổi căn bản cách thức sở hữu tư liệu sản xuất " ³. Khi chuyển từ sở hữu tư nhân sang sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất, không chỉ tạo điều kiện cho sự phát triển của lực lượng sản xuất mà còn góp phần xóa bỏ sự bất bình đẳng trong gia đình. Việc này giúp xây dựng các quan hệ sản xuất mới, nơi mọi người có cơ hội bình đẳng và công bằng trong việc tiếp cận tài nguyên cùng với cơ hội phát triển, từ đó làm nền tảng cho một gia đình tiến bộ và công bằng hơn. Việc xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất không chỉ tạo ra một nền tảng công bằng và bình đẳng trong xã hội mà còn góp phần quan trọng vào việc xây dựng mối quan hệ hôn nhân dựa trên tình yêu chân thật. Trong xã hội trước đây, hôn nhân

² Engels, F. (1972). *The Origin of the Family, Private Property and the State*. Moscow: Progress Publishers.

³ Engels, F. (1985). *Socialism: Utopian and Scientific*. Moscow: Progress Publishers.

thường bị ảnh hưởng bởi các yếu tố kinh tế, địa vị xã hội và những toan tính cá nhân. Khi chế độ tư hữu bị loại bỏ, các yếu tố này không còn chi phối quyết định kết hôn, giúp hôn nhân được xây dựng dựa trên tình yêu và sự đồng cảm thật sự chứ không phải là các lợi ích vật chất hay xã hội. Điều này tạo điều kiện cho các mối quan hệ hôn nhân trở nên tự nguyện và bền vững hơn. Đồng thời phản ánh bản chất tiên bộ và nhân văn của xã hội chủ nghĩa.

1.2.2 Cơ sở chính trị - xã hội

Trong giai đoạn chuyển tiếp hướng tới chủ nghĩa xã hội, cơ sở chính trị - xã hội đóng vai trò then chốt trong việc xây dựng một mô hình gia đình mới, công bằng và tiến bộ. Một trong những điểm quan trọng của cơ sở này là sự thiết lập chính quyền nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, quyền lực chính trị được thực hiện bởi toàn bộ nhân dân lao động, không phân biệt giới tính. V.I.Lênin đã nhấn mạnh rằng " nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động không chỉ là công cụ của sự đổi mới xã hội mà còn đảm bảo quyền bình đẳng cho tất cả các công dân, không phân biệt nam nữ " ⁴. Điều này tạo ra nền tảng cho một xã hội nơi các mối quan hệ gia đình được thiết lập dựa trên sự bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau, không còn bị chi phối bởi các yếu tố phân biệt giới tính.

Bên cạnh đó, nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng đóng vai trò quan trọng trong việc xóa bỏ những luật lệ cũ và lạc hậu đối với phụ nữ. Trước khi có sự thay đổi này, phụ nữ thường bị áp bức bởi các luật lệ và tập quán xã hội không công bằng. Nhà nước XHCN sử dụng quyền lực của mình để loại bỏ những quy định bất công, tạo điều kiện cho việc giải phóng phụ nữ khỏi các ràng buộc và phân biệt. V.I.Lênin đã chỉ ra rằng " sự giải phóng phụ nữ khỏi những luật lệ và truyền thống lạc hậu là một phần không thể thiếu trong cuộc đấu tranh cho một xã hội bình đẳng " ⁵. Điều này không chỉ nâng cao quyền tự do và sự bình đẳng của phụ nữ mà còn góp phần xây dựng một môi trường gia đình và xã hội công bằng hơn.

Cuối cùng, nhà nước xã hội chủ nghĩa ban hành các luật pháp liên quan đến gia đình, đặc biệt là Luật hôn nhân và gia đình, cùng với các chính sách xã hội nhằm đảm bảo sự bình đẳng giới. Các quy định này được thiết lập để bảo vệ quyền lợi của tất cả

⁴ Lenin, V. I. (1974). *The State and Revolution*. Moscow: Progress Publishers.

⁵ Lenin, V. I. (1972). *The Emancipation of Women*. Moscow: Progress Publishers.

các thành viên trong gia đình và khuyến khích sự bình đẳng trong các mối quan hệ gia đình. Những chính sách này không chỉ bảo đảm quyền lợi của phụ nữ mà còn thúc đẩy sự hợp tác và chia sẻ trách nhiệm giữa các thành viên trong gia đình, góp phần tạo ra một môi trường gia đình hài hòa và tiến bộ hơn.

1.2.3 Cơ sở văn hóa

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cùng với những biến đổi căn bản trong đời sống chính trị, kinh tế, thì đời sống văn hóa, tinh thần cũng không ngừng biến đổi. Những giá trị văn hóa được xây dựng trên nền tảng hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân từng bước hình thành và dần dần giữ vai trò chi phối nền tảng văn hóa, tinh thần của xã hội, đồng thời những yếu tố văn hóa, phong tục tập quán, lối sống lạc hậu do xã hội cũ để lại từng bước bị loại bỏ.

Sự phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ góp phần nâng cao trình độ dân trí, kiến thức khoa học và công nghệ của xã hội, đồng thời cũng cung cấp cho các thành viên trong gia đình kiến thức, nhận thức mới, làm nền tảng cho sự hình thành những giá trị, chuẩn mực mới, điều chỉnh các mối quan hệ gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thiếu đi cơ sở văn hóa, hoặc cơ sở văn hóa không đi liền với cơ sở kinh tế, chính trị, thì việc xây dựng gia đình sẽ lệch lạc, không đạt hiệu quả cao.

1.2.4 Chế độ hôn nhân tiến bộ

Hôn nhân tự nguyện

Hôn nhân tiến bộ là hôn nhân xuất phát từ tình yêu giữa nam và nữ. Tình yêu là khát vọng của con người trong mọi thời đại. Chừng nào, hôn nhân không được xây dựng trên cơ sở tình yêu thì chừng đó, trong hôn nhân, tình yêu, hạnh phúc gia đình sẽ bị hạn chế.

Hôn nhân xuất phát từ tình yêu tất yếu dẫn đến hôn nhân tự nguyện. Đây là bước phát triển tất yếu của tình yêu nam nữ, như Ph. Ăngghen nhấn mạnh: "... nếu nghĩa vụ của vợ chồng là phải thương yêu nhau thì nghĩa vụ của những kẻ yêu nhau há chẳng phải là kết hôn với nhau và không được kết hôn với người khác hay sao?". Hôn nhân tự nguyện đảm bảo cho nam, nữ có quyền tự do trong việc lựa chọn người kết hôn, không chấp nhận sự áp đặt của cha mẹ. Tất nhiên, hôn nhân tự nguyện không bác

bỏ việc cha mẹ quan tâm, hướng dẫn giúp đỡ con cái có nhận thức đúng, có trách nhiệm trong việc kết hôn.

Hôn nhân tiến bộ còn bao hàm cả quyền tự do ly hôn khi tình yêu giữa nam và nữ không còn nữa. Ph. Ăngghen viết: “Nếu chỉ riêng hôn nhân dựa trên cơ sở tình yêu mới hợp đạo đức thì cũng chỉ riêng hôn nhân trong đó tình yêu được duy trì, mới là hợp đạo đức mà thôi... và nếu tình yêu đã hoàn toàn phai nhạt hoặc bị một tình yêu say đắm mới át đi, thì ly hôn sẽ là điều hay cho cả đôi bên cũng như cho xã hội”. Tuy nhiên, hôn nhân tiến bộ không khuyến khích việc ly hôn, vì ly hôn để lại hậu quả nhất định cho xã hội, cho cả vợ, chồng và đặc biệt là con cái. Vì vậy, cần ngăn chặn những trường hợp nông nổi khi ly hôn, ngăn chặn hiện tượng lợi dụng quyền ly hôn và những lý do ích kỷ hoặc vì mục đích vụ lợi.

Hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, bản chất của tình yêu là không thể chia sẻ được, nên hôn nhân một vợ một chồng là kết quả tất yếu của hôn nhân xuất phát từ tình yêu. Thực hiện hôn nhân một vợ một chồng là điều kiện đảm bảo hạnh phúc gia đình, đồng thời cũng phù hợp với quy luật tự nhiên, phù hợp với tâm lý, tình cảm, đạo đức con người.

Hôn nhân một vợ một chồng xuất phát từ tình yêu chân thành và sự tôn trọng lẫn nhau, đảm bảo hạnh phúc gia đình. Lịch sử cho thấy hôn nhân một vợ một chồng đã xuất hiện từ sớm, nhưng thường không áp dụng bình đẳng cho cả hai giới. Trong xã hội hiện đại, hôn nhân một vợ một chồng là biểu hiện của sự bình đẳng giới, khi vợ và chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong mọi mặt của cuộc sống gia đình. Điều này bao gồm cả việc tự do lựa chọn nghề nghiệp, học tập, và tham gia các hoạt động xã hội, đồng thời cùng nhau quyết định những vấn đề chung như nuôi dạy con cái và quản lý tài chính.

Quan hệ vợ chồng bình đẳng là cơ sở cho sự bình đẳng trong quan hệ giữa cha mẹ với con cái và quan hệ giữa anh chị em với nhau. Nếu như cha mẹ có nghĩa vụ yêu thương con cái, ngược lại, con cái cũng có nghĩa vụ biết ơn, kính trọng, nghe lời dạy bảo của cha mẹ. Tuy nhiên, quan hệ giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em sẽ có những mâu thuẫn không thể tránh khỏi do sự chênh lệch tuổi tác, nhu cầu, sở thích riêng của mỗi người. Do vậy, giải quyết mâu thuẫn trong gia đình là vấn đề cần được mọi người quan tâm, chia sẻ.

Hôn nhân được đảm bảo về pháp lý. Quan hệ hôn nhân, gia đình thực chất không phải là vấn đề riêng tư của mỗi gia đình mà là quan hệ xã hội. Tình yêu giữa nam và nữ là vấn đề riêng của mỗi người, xã hội không can thiệp, nhưng khi hai người đã thỏa thuận để đi đến kết hôn, tức là đã đưa quan hệ riêng bước vào quan hệ xã hội, thì phải có sự thừa nhận của xã hội, điều đó được biểu hiện bằng thủ tục pháp lý trong hôn nhân. Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân là thể hiện sự tôn trọng trong tình yêu, trách nhiệm giữa nam và nữ, trách nhiệm của cá nhân với gia đình và xã hội và ngược lại. Đây cũng là biện pháp ngăn chặn những cá nhân lợi dụng quyền tự do kết hôn, tự do ly hôn để thỏa mãn những nhu cầu không chính đáng, để bảo vệ hạnh phúc của cá nhân và gia đình. Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân không ngăn cản quyền tự do kết hôn và tự do ly hôn chính đáng, mà ngược lại, là cơ sở để thực hiện những quyền đó một cách đầy đủ nhất.

Chương 2. THỰC TRẠNG VIỆC KẾT HÔN MUỘN Ở GIỚI TRẺ HIỆN NAY

2.1 Thực trạng lười yêu, ngại cưới ở giới trẻ hiện nay

2.1.1 Thực trạng

Tại Việt Nam, tình trạng kết hôn muộn ở giới trẻ đang là vấn đề nhức nhối được xã hội đặc biệt quan tâm vì những thế hệ trước đây luôn đề cao “thành gia lập thất” là việc vô cùng thiêng liêng, là mục tiêu, đích đến mà bất cứ ai cũng phải hướng tới. Nhưng khi bước sang thế hệ Millennials (sinh sau năm 1982) và đặc biệt là thế hệ Z (sinh sau năm 1996), việc kết hôn và thành lập gia đình không còn là sự ưu tiên, mà “Lười yêu, ngại cưới, thích độc thân” mới chính là xu hướng, quan điểm của giới trẻ hiện nay. Theo số liệu mới nhất từ Tổng cục Thống kê thì trong hơn 30 năm qua, hôn nhân và mức sinh ở nước ta thay đổi vô cùng lớn. Tuổi kết hôn tăng mạnh còn tỉ lệ kết hôn giảm, mức sinh thấp. Số liệu chỉ ra rằng từ năm 1989 - 2022, trung bình độ tuổi kết hôn lần đầu của nam tăng từ 24,4 lên 29 tuổi, còn ở nữ tăng từ 23,2 lên 24,1 tuổi. Trong khi đó, tỉ lệ kết hôn giảm rõ rệt. Cụ thể, từ năm 1989 - 2019, tỉ lệ nam giới trong độ tuổi 20-24 kết hôn giảm từ 37,6% xuống 19,6%, tức là giảm gần một nửa. Còn đối với nữ, các tỉ lệ này cũng giảm từ 57,5% xuống 44,3%. Báo động hơn vào năm 2024, tuổi trung bình kết hôn lần đầu của cả hai giới tiếp tục tăng thêm, trung bình là 27,2 tuổi. Cụ thể, nam giới là 29,3 tuổi, nữ giới là 25,1 tuổi. Theo ghi nhận, phụ nữ thành thị cũng sinh muộn và sinh con ít hơn phụ nữ nông thôn. Kết hôn muộn, kết hôn ít là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến mức sinh giảm tới một nửa trong hơn 30 năm qua. Năm 1989, bình quân mỗi phụ nữ có 3,8 con thì năm 2006 giảm xuống khoảng 2,1 con và mức sinh thấp này được duy trì đến ngày nay.

Dưới góc độ chính sách, việc người trẻ kết hôn, sinh đủ 2 con được xem là yếu tố để duy trì vững chắc mức sinh thay thế trên toàn quốc. Điều thấy rõ nhất về ảnh hưởng của việc kết hôn muộn hiện nay chính là mức sinh thấp và tốc độ già hóa dân số nhanh chóng. Bác sĩ chuyên khoa 2 Nguyễn Thị Minh Phương, Chủ nhiệm khoa Phụ sản, Bệnh viện 354 (Hà Nội), cho hay hiện thanh niên, đặc biệt khu vực Đông Nam bộ, Đồng bằng sông Cửu Long hay các địa phương có sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội, có thiên hướng lựa chọn một cuộc sống độc thân, kết hôn muộn. Thực tế xu hướng ngày càng rõ nét này không chỉ xảy ra ở Việt Nam mà cả nhiều quốc gia khác,

đặc biệt ở châu Á. Người trẻ, không riêng nam giới mà cả phụ nữ, vừa có nhiều cơ hội, lựa chọn trong cuộc sống, kinh tế, nghề nghiệp, thăng tiến nhưng cũng đi kèm với thách thức, áp lực. Theo bác sĩ Phương: Kết hôn muộn đi kèm với sinh con muộn. Giai đoạn từ 20-25 tuổi được cho là giai đoạn "vàng" trong độ tuổi sinh sản của nữ giới. Ở giai đoạn này, phụ nữ thế hệ mới thường ưu tiên đầu tư cho học hành, tốt nghiệp đại học, học thêm sau đại học, từng bước xây dựng sự nghiệp ổn định, nên chuyện kết hôn, sinh con trở nên không quan trọng đối với họ. Giới trẻ hiện nay mong muốn con của mình được chăm sóc, nuôi dưỡng bằng nguồn kinh tế vững vàng nhất, chính vì thế nhiều người đã lựa chọn kết hôn và có con sau 30 tuổi.

2.1.2 Nguyên nhân

Tình trạng "lười yêu, ngại cưới, không muốn sinh con" đang trở thành một hiện tượng ngày càng phổ biến ở Việt Nam. Điều này đã đẩy nhanh quá trình già hóa dân số, gây thiếu hụt lực lượng lao động và tăng áp lực lên hệ thống an sinh xã hội của đất nước,... Một số nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng này có thể kể đến như sau:

Một là, nỗi lo về tài chính không ổn định. Có nhiều lý do dẫn đến tình trạng kết hôn muộn, nhưng chủ yếu bắt nguồn từ vấn đề “cơm áo gạo tiền”. Fanpage VTV24 đã thực hiện một khảo sát nhanh gần đây về lý do mong muốn kết hôn sau tuổi 30 cũng cho thấy, có đến 62% trong số khoảng 400.000 bạn trẻ tham gia khảo sát chọn kết hôn sau 30 vì vẫn còn những nỗi lo về tài chính. Với thu nhập bình quân còn thấp, cộng thêm áp lực kinh tế chi phí sinh hoạt, giá nhà đất, nuôi dạy con cái và các khoản chi phí khác ngày càng tăng cao, khiến việc xây dựng một cuộc sống gia đình ổn định là một thách thức lớn đối với thế hệ trẻ. Nỗi lo về cơm áo gạo tiền này càng bị tác động mạnh mẽ hơn bởi giá nhà hiện nay. Khi giá nhà đang ngày càng tăng cao, việc này làm cho giá thuê nhà ở cũng cao ngất ngưởng, gây áp lực đến chi phí sinh hoạt của người dân. Nhiều người trẻ quan niệm phải mua được nhà trước khi kết hôn hoặc sinh con để có một cuộc sống đầy đủ và thoải mái hơn. Chính vì thế nên họ phải “cày ngày, cày đêm” để có thể mua nhà cho bằng được mà bỏ qua thời điểm “vàng” để lập gia đình, sinh con. Tiền thuê nhà, sinh hoạt hàng tháng đã tiêu gần hết lương khiến nhiều cặp vợ chồng trẻ chỉ dám sinh 1 con hoặc trì hoãn việc sinh con. Số liệu cho thấy, thành phố Hồ Chí Minh - nơi có giá nhà cao nhất, cũng đang là thành phố có độ tuổi kết hôn trễ

nhất và mức sinh thấp nhất cả nước. Từ năm 2019, trong khi giá nhà thành phố Hồ Chí Minh tăng trưởng chậm lại thì giá nhà Hà Nội lại liên tục tăng cao. Đến thời điểm hiện tại, diễn biến giá căn hộ tại Hà Nội dường như đang đi theo thị trường thành phố Hồ Chí Minh vào 5 năm trước. Độ tuổi kết hôn tại Hà Nội cũng đang ngày càng cao với mức sinh giảm sút.

Hai là, bị ảnh hưởng bởi những thông tin không tốt về tình yêu và hôn nhân. Chuyên viên tâm lý Nguyễn Bá Cẩn Anh (nghiên cứu sinh ngành tâm lý học, trường Đại học Sư phạm Hà Nội) cho rằng: có nhiều nghiên cứu về việc gia tăng tỷ lệ giới trẻ ngày nay, đặc biệt là thế hệ Gen Z (1997 - 2012) từ chối tình yêu, chọn cách sống một mình, cô đơn. Nguyên nhân là do người trẻ chứng kiến những cuộc hôn nhân “không như mộng tưởng” đã làm họ lo lắng và ngần ngại khi nghĩ đến việc kết hôn. Một phần là từ sự đổ vỡ trong quá khứ; gia đình không hạnh phúc; người lớn ngăn cấm quyết liệt, nhồi nhét những điều tiêu cực về tình yêu; có sự thiên lệch trong góc nhìn vì liên tục tiếp cận các câu chuyện tan vỡ, đau khổ từ các cuộc tình qua những lời nhận xét, chê bai của người xung quanh. Bên cạnh đó, việc những hình ảnh không hay về hôn nhân ngày càng xuất hiện nhiều trên các trang mạng xã hội hoặc qua lời truyền miệng đã làm cho giới trẻ hiện nay không còn niềm tin vào cuộc sống hôn nhân. Điển hình là rất nhiều các video, bài viết về bạo lực gia đình, người chồng, người vợ đánh ghen giữa nơi đông người, “Mẹ chồng nàng dâu”... ngày càng trở thành tâm điểm của các cuộc tranh luận. Không những thế, những hành động lừa dối, không rõ ràng trong tình cảm, yêu nhiều người cùng một lúc,... đang dần trở nên phổ biến trong thế hệ Gen Z ngày nay. Đáng báo động hơn khi một bộ phận còn xem đây là “Thành tích”, là việc thể hiện “Giá trị” của bản thân, điều này khiến cho phần lớn người trẻ có những biểu hiện tránh xa và mất niềm tin vào tình yêu. Một số biểu hiện được ông Nguyễn Bá Cẩn Anh đưa ra như cảm thấy rất lo lắng khi biết có ai đó thích mình; ám ảnh, sợ hãi khi tưởng tượng mình đang trong một mối quan hệ yêu thương; Tránh các hành vi, lời nói cho hoặc nhận tình cảm và có xu hướng không kết thân với bất kỳ ai, hay không rõ lý do mà cắt đứt liên hệ với người khác một cách đột ngột.

Ba là, quan niệm về tình yêu của giới trẻ đã thay đổi, mối quan hệ tự do, không ràng buộc được cho là xu hướng. Vậy mối quan hệ không ràng buộc là gì? Có nghĩa là hai người gặp gỡ, kết nối với nhau, đến bên nhau, thể hiện tình cảm, sự yêu thương

dành cho đối phương trong một giai đoạn nào đó và rời đi một cách dứt khoát khi bản thân cảm thấy không còn sự nhiệt huyết với tình yêu. Quan điểm về hôn nhân của giới trẻ đã có nhiều thay đổi so với quan niệm truyền thống. Dưới áp lực của cuộc sống, xu hướng sống độc thân, ngại yêu, thích yêu không ràng buộc, hay chỉ yêu nhưng không muốn kết hôn... của giới trẻ đã trở thành một câu chuyện bình thường trong vài năm gần đây. "Nam lớn lấy vợ, gái lớn gả chồng" là quan điểm của các thế hệ trước nhưng một phần nào đó không còn phù hợp với người trẻ khi bước sang thế kỷ 21. Lí do là người trẻ có nhiều cơ hội hơn, tư duy cũng khác hơn và có nhiều mối quan tâm như sự nghiệp, ước mơ, hoài bão, trải nghiệm, du lịch... điều này một phần đã làm cho họ giảm đi nhu cầu về kết hôn hay dành thời gian cho mối quan hệ ràng buộc. Một bộ phận Gen Z quan niệm rằng "Yêu nhanh sống gấp", nhu cầu tình dục cần được thỏa mãn mà không cần phải suy tính cho tương lai, một cuộc sống hưởng thụ, không cần tuân theo một chuẩn mực nào của cộng đồng chính là con đường dẫn đến một cuộc sống tự do, vô lo vô nghĩ. Do đó phụ nữ chọn sống độc thân hoặc làm mẹ đơn thân thay vì kết hôn cũng vì thế mà trở thành xu hướng hiện nay.

2.2 Xu hướng kết hôn muộn của giới trẻ hiện nay

2.2.1 Mặt tích cực

Kết hôn muộn ngày càng trở thành một xu hướng phổ biến trong giới trẻ. Bên cạnh đó, không thể không nhận định ra rằng, kết hôn muộn có nhiều mặt tích cực, bao gồm:

Thứ nhất, người trẻ có thời gian học tập cải thiện bản thân, liên tục mở rộng, nâng cao khả năng, bao gồm những hoạt động nhằm tích lũy kiến thức, phát triển kỹ năng, nâng cao chất lượng cuộc sống và không ngừng theo đuổi những ước mơ, hoài bão. Giúp bản thân nhận ra tiềm năng thực sự của mình. Quá trình phát triển bản thân cần hiểu được bản thân mình muốn gì, cần cải thiện những gì, vấn đề nằm ở đâu, giá trị mà bản thân hướng đến là gì,... Khi trả lời được hàng loạt các câu hỏi, mỗi người có thể khám phá sâu sắc về giá trị cốt lõi, niềm đam mê, sở trường,... của bản thân. Từ đó, mỗi người trong chúng ta trưởng thành hơn về mặt cảm xúc, tâm lí. Khi tìm hiểu sâu hơn về bản thân, mỗi người sẽ có cơ hội khám phá ra những giá trị, niềm đam mê hay mục tiêu mà mình muốn đạt được trong cuộc sống. Điều này giúp định hướng phát

triển cuộc sống trong tương lai, xác định con đường sự nghiệp mà bản thân muốn theo đuổi. Phát triển bản thân giúp mỗi cá nhân cảm thấy tự tin và hạnh phúc hơn, điều này cải thiện tâm trạng cũng như chất lượng cuộc sống hôn nhân. Kèm theo đó là giải quyết các vấn đề một cách linh hoạt và thông minh, giúp mỗi cá nhân có thể thăng tiến trong công việc và cuộc sống, gia đình.

Thứ hai, kết hôn muộn cho phép họ có thời gian để tìm hiểu bản thân và đối tác, từ đó lựa chọn một mối quan hệ phù hợp hơn. Hầu hết các cuộc hôn nhân đều bỏ đi hoặc không nhắc đến sự tương thích của đôi bên. Tính tương thích chính là tiền đề cho một mối quan hệ lâu dài. Khả năng tương thích cao bắt nguồn từ sự đồng điệu về lối sống và hệ giá trị. Trong quá trình này, việc tìm hiểu bản thân cũng như đối tác hôn nhân giúp họ xác định những gì thực sự quan trọng đối với mình, từ đó dễ dàng hơn trong việc lựa chọn một đối tác phù hợp. Họ có thể trải nghiệm nhiều mối quan hệ khác nhau, học hỏi từ mỗi trải nghiệm để hiểu rõ hơn về những phẩm chất mà mình cần ở một người bạn đời. Việc có thời gian để tìm hiểu cũng giúp họ nhận ra những điểm tương đồng và khác biệt với đối tác. Điều này không chỉ làm tăng khả năng hòa hợp mà còn giúp cả hai phát triển kỹ năng giao tiếp và giải quyết xung đột, tạo nền tảng vững chắc cho mối quan hệ trong tương lai. Khi đã tìm thấy sự tương thích, họ sẽ cảm thấy tự tin hơn khi bước vào hôn nhân, với hy vọng xây dựng một cuộc sống chung hạnh phúc và bền vững. Biết rằng cả hai đã cùng nhau xây dựng một nền tảng vững chắc dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau. Điều này không chỉ giúp giảm bớt áp lực và căng thẳng trong mối quan hệ, mà còn tạo ra một môi trường tích cực để cả hai cùng phát triển. Khi đã tìm thấy sự tương thích, họ sẽ có khả năng vượt qua khó khăn trong hôn nhân một cách dễ dàng, từ đó xây dựng một cuộc sống chung hạnh phúc và viên mãn. Sự chuẩn bị kỹ lưỡng này sẽ góp phần tạo nên một hôn nhân đầy ý nghĩa, mang lại niềm vui và sự thỏa mãn cho cả hai người.

Thứ ba, kết hôn sau khi đã đạt được sự ổn định tài chính là một yếu tố quan trọng giúp giảm bớt áp lực cho cả hai bên trong mối quan hệ. Khi các cá nhân có thời gian để xây dựng sự nghiệp và tích lũy tài sản trước khi kết hôn, họ thường cảm thấy tự tin hơn khi bước vào giai đoạn mới của cuộc sống. Điều này không chỉ giúp họ cảm thấy an tâm hơn về mặt tài chính mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý ngân sách trong hôn nhân. Một trong những lợi ích lớn nhất của việc độc lập tài chính là khả

năng tự chủ. Khi mỗi người đều có nguồn thu nhập riêng và đã có sự chuẩn bị tài chính, họ sẽ ít phải lo lắng về việc phụ thuộc vào đối tác. Điều này không chỉ giúp nâng cao sự tự tin mà còn tạo ra một bầu không khí bình đẳng trong mối quan hệ. Mỗi người đều có thể đóng góp vào quyết định tài chính chung mà không cảm thấy bị áp lực hay thiếu thốn. Hơn nữa, sự ổn định tài chính giúp các cặp đôi dễ dàng hơn trong việc lập kế hoạch cho tương lai. Họ có thể cùng nhau xây dựng những dự định lớn như mua nhà, đầu tư vào giáo dục con cái hoặc lập quỹ hưu trí mà không phải lo lắng quá nhiều về chi phí. Khi cả hai đều có khả năng quản lý tài chính tốt, họ sẽ dễ dàng hơn trong việc thảo luận và đưa ra quyết định về cách chi tiêu và tiết kiệm. Tình trạng tài chính ổn định cũng giúp giảm bớt căng thẳng và xung đột trong mối quan hệ. Nhiều cặp đôi gặp phải những mâu thuẫn nghiêm trọng liên quan đến tiền bạc, và việc có một nền tảng tài chính vững chắc giúp giảm thiểu nguy cơ này. Khi không phải đối mặt với những áp lực tài chính, các cặp đôi có thể tập trung vào việc xây dựng tình cảm, cải thiện giao tiếp và phát triển mối quan hệ của họ. Kết lại, việc đạt được sự độc lập tài chính trước hôn nhân cũng tạo ra một thói quen tốt cho cả hai người. Họ sẽ học được cách quản lý chi tiêu, tiết kiệm và đầu tư, những kỹ năng này rất cần thiết trong suốt cuộc đời hôn nhân. Sự chuẩn bị này không chỉ mang lại lợi ích cho cá nhân mà còn cho mối quan hệ chung, tạo nên một nền tảng vững chắc cho hạnh phúc và sự bền vững trong tương lai.

Thứ tư, chất lượng mối quan hệ là một yếu tố then chốt ảnh hưởng đến hạnh phúc và sự bền vững của các cặp đôi. Khi kết hôn muộn, các cặp đôi thường có thời gian dài để xây dựng một nền tảng vững chắc cho mối quan hệ của họ, từ đó dẫn đến sự hiểu biết và giao tiếp tốt hơn. Thời gian này cho phép các cặp đôi tìm hiểu sâu về nhau, không chỉ ở bề mặt mà còn ở những khía cạnh tinh tế hơn. Họ có thể chia sẻ những trải nghiệm cá nhân, giá trị sống và mục tiêu tương lai, từ đó tạo ra một sự kết nối mạnh mẽ. Khi cả hai đều có cơ hội để thể hiện bản thân và bộc lộ cảm xúc, họ sẽ dễ dàng hơn trong việc hiểu và chấp nhận những khác biệt giữa nhau. Thêm vào đó, việc có thời gian để xây dựng mối quan hệ cũng giúp các cặp đôi phát triển kỹ năng giao tiếp. Họ có thể luyện tập cách diễn đạt suy nghĩ và cảm xúc một cách rõ ràng và chân thành, điều này cực kỳ quan trọng trong việc giải quyết xung đột. Khi xảy ra bất đồng, khả năng giao tiếp tốt sẽ giúp cả hai nhanh chóng tìm ra giải pháp và làm dịu

căng thẳng, thay vì để mọi thứ leo thang thành mâu thuẫn nghiêm trọng. Hơn nữa, việc có thời gian để xây dựng mối quan hệ cũng giúp các cặp đôi phát triển kỹ năng giao tiếp. Họ có thể luyện tập cách diễn đạt suy nghĩ và cảm xúc một cách rõ ràng và chân thành, điều này cực kỳ quan trọng trong việc giải quyết xung đột. Sự phát triển của chất lượng mối quan hệ cũng có thể dẫn đến sự tin tưởng lẫn nhau. Khi cả hai biết rằng họ đã đầu tư thời gian và công sức vào mối quan hệ, họ sẽ cảm thấy an tâm hơn về cam kết của đối phương. Điều này không chỉ giúp giảm bớt lo lắng mà còn tạo ra một môi trường nơi cả hai có thể phát triển và khám phá bản thân mà không sợ bị đánh giá hay từ chối. Một mối quan hệ chất lượng cao sẽ mang lại cảm giác hạnh phúc và thỏa mãn cho cả hai. Khi có sự hiểu biết và giao tiếp tốt hơn, các cặp đôi sẽ dễ dàng vượt qua thử thách, cùng nhau đối mặt với những khó khăn trong cuộc sống. Điều này không chỉ làm tăng cường tình yêu mà còn giúp xây dựng một hôn nhân bền vững và hạnh phúc trong tương lai.

Thứ năm, thời gian độc thân không chỉ là giai đoạn tạm thời mà còn là một cơ hội quý giá để mỗi người trưởng thành và phát triển. Trong giai đoạn này, nhiều người có thể trải nghiệm sự tự do và độc lập, từ đó học hỏi và phát triển một cách toàn diện. Một trong những lợi ích lớn nhất của việc độc thân là khả năng phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề. Khi sống một mình, mọi người thường phải đối mặt với nhiều tình huống khác nhau, từ việc quản lý tài chính cá nhân đến việc xử lý các vấn đề trong công việc hay cuộc sống hàng ngày. Những thử thách này buộc họ phải tìm ra các giải pháp sáng tạo và hợp lý, từ đó nâng cao khả năng tư duy phản biện và quyết định. Bên cạnh đó, thời gian độc thân cũng tạo cơ hội để mỗi cá nhân phát triển kỹ năng quản lý cảm xúc. Họ có thể học cách nhận diện và xử lý cảm xúc của mình, từ sự vui vẻ đến nỗi buồn. Việc đối mặt với cảm xúc một cách trực tiếp giúp họ trở nên mạnh mẽ và kiên cường hơn. Họ sẽ học cách điều chỉnh cảm xúc của mình trong những tình huống khó khăn, điều này rất quan trọng trong bất kỳ mối quan hệ nào. Quá trình trưởng thành này cũng bao gồm việc xây dựng sự tự tin. Khi độc lập và tự chủ, mọi người có thể tự tin hơn trong quyết định của mình. Họ sẽ biết mình muốn gì và cần gì trong cuộc sống, điều này không chỉ giúp họ phát triển cá nhân mà còn là nền tảng vững chắc khi bước vào một mối quan hệ. Thời gian độc thân còn tạo cơ hội cho việc khám phá bản thân. Mọi người có thể thử nghiệm nhiều sở thích, khám phá những đam mê

mới, và tìm hiểu về những điều mà họ thực sự yêu thích. Điều này không chỉ làm phong phú thêm cuộc sống mà còn giúp họ xác định rõ hơn về bản thân trước khi quyết định kết hôn. Sự trưởng thành từ thời gian độc thân không chỉ giúp cá nhân chuẩn bị tốt hơn cho cuộc sống hôn nhân mà còn góp phần xây dựng một mối quan hệ lành mạnh và bền vững. Khi cả hai người đều đã trưởng thành và phát triển kỹ năng sống, họ sẽ dễ dàng hơn trong việc hỗ trợ lẫn nhau, tạo ra một môi trường tích cực cho sự phát triển cá nhân và chung. Sự trưởng thành này sẽ là nền tảng cho một hôn nhân hạnh phúc và tràn đầy yêu thương trong tương lai, cũng như tạo dựng cho thế sau biết tôn trọng những người trong gia đình.

Thứ sáu, khả năng ly hôn thấp là một trong những lợi ích nổi bật của việc kết hôn muộn. Theo nghiên cứu được đăng trên trang Big Think, việc trì hoãn hôn nhân cho đến khoảng 32 tuổi có thể giúp giảm đáng kể tỷ lệ ly hôn. Cụ thể, mỗi năm kết hôn muộn hơn so với độ tuổi trung bình sẽ làm giảm khả năng ly hôn lên đến 11%. Có nhiều lý do giải thích cho hiện tượng này. Đầu tiên, khi đến độ tuổi trưởng thành hơn, mọi người thường có cái nhìn rõ ràng hơn về bản thân, cũng như những giá trị và mục tiêu trong cuộc sống. Họ đã trải qua nhiều trải nghiệm và học hỏi được nhiều bài học quý giá, từ đó giúp họ hiểu rõ hơn về những gì họ cần và mong muốn trong một mối quan hệ. Thứ hai, tuổi tác mang lại sự trưởng thành trong cách suy nghĩ và hành động. Những người kết hôn ở độ tuổi lớn hơn thường có khả năng giao tiếp tốt hơn, có kỹ năng giải quyết xung đột hiệu quả hơn và có khả năng xây dựng sự đồng cảm trong mối quan hệ. Họ thường biết cách xử lý các vấn đề một cách bình tĩnh và khéo léo hơn, giúp duy trì sự hòa hợp trong hôn nhân. Điều cuối cùng, việc có thời gian độc lập trước khi kết hôn cũng giúp các cặp đôi phát triển sự tự tin và độc lập tài chính. Họ không chỉ hiểu rõ giá trị của bản thân mà còn có khả năng quản lý tài chính tốt hơn, từ đó giảm bớt áp lực trong mối quan hệ.

2.2.2 Mặt hạn chế:

Kết hôn là một trong những lựa chọn quan trọng nhất của đời người. Khi đó, ta khoác lên vai không chỉ còn là tình yêu mà còn là trách nhiệm về gia đình. Ngày nay, việc kết hôn dường như đã trở nên quá xa vời với các bạn trẻ. Nhiều bạn lựa chọn trì hoãn việc kết hôn với nhiều lý do như chưa đủ trưởng thành, còn đang tập trung phát

triển sự nghiệp hay đơn giản chỉ là muốn tận hưởng thêm cuộc sống vô tư vô lo không bị ràng buộc của tuổi trẻ. Nhìn ở mặt tích cực thì điều này không sai mà còn mang lại nhiều lợi ích. Tuy nhiên, việc gì cũng có hai mặt. Bên cạnh những lợi ích, việc kết hôn muộn cũng tiềm ẩn trong đó là thách thức và hệ lụy về lâu dài mà ta cần phải cân nhắc như:

Thứ nhất, một trong những thách thức mà các bạn trẻ lựa chọn kết hôn muộn phải đối mặt đó là áp lực từ gia đình và xã hội. Trong nền văn hóa truyền thống của nước ta, hôn nhân và trách nhiệm sinh con nối dõi từ lâu đã được xem là nghĩa vụ và thước đo thành công của mỗi người. Điều này đã ăn sâu vào tiềm thức của các thế hệ đi trước. Do đó, các bạn trẻ trì hoãn việc kết hôn thường phải đối mặt với những câu hỏi hay thậm chí là lời nhắc nhở trực tiếp từ phía gia đình và họ hàng là điều không thể tránh khỏi. Bởi kỳ vọng mà gia đình và xã hội đặt lên vai các bạn là rất nhiều. Tệ hơn khi xung quanh bạn bè và đồng nghiệp đều đã có gia đình, các bạn sẽ càng cảm thấy cô đơn và lạc lõng. Tới một lúc, các bạn sẽ tự hỏi liệu mình có đang bỏ lỡ điều gì đó quan trọng hay không. Về lâu dài áp lực từ gia đình, xã hội và cảm giác cô đơn kéo dài này sẽ hình thành nên những hậu quả nghiêm trọng về tâm lý và sức khỏe tinh thần. Trầm cảm, lo âu và tự ti có thể xem là một trong những biểu hiện thường gặp của giới trẻ trong giai đoạn này. Các bạn lo lắng về tương lai của bản thân đặc biệt là khi nghĩ về kế hoạch lập gia đình khiến các bạn càng căng thẳng và mệt mỏi. Việc liên tục so sánh bản thân với những người xung quanh, cùng với những kỳ vọng không thực tế từ gia đình và xã hội làm cho các bạn càng cảm thấy tự ti và lựa chọn sống nép mình với xã hội. Sau đây là lời chia sẻ của chị Mai, một người phụ nữ hướng nội và là con út trong nhà. Chị cũng từng là một trong các bạn trẻ có suy nghĩ trì trệ việc kết hôn. Hơn ai hết chị hiểu rất rõ cảm giác cô độc và trống trải trong những năm tháng một mình. Đến lúc trưởng thành, chị mới nhận ra sai lầm của mình và dần hiểu cho nỗi sốt ruột của bố mẹ khi con gái còn chưa yên bề gia thất. ¹“Hồi còn trẻ, tôi nghĩ đến bản thân nhiều hơn, nhưng càng có tuổi lại hay đặt mình vào vị trí của bố mẹ tự thấy mình ích kỷ” chị chia sẻ. Đây cũng là điều chị hối tiếc nhất, vì đã không sớm lắng nghe và thấu hiểu cho nỗi lòng của bố mẹ.

Thứ hai, việc cô đơn quá lâu khiến việc mở lòng trở nên khó khăn. Khi đã trải qua một thời gian dài chỉ dựa dẫm vào bản thân, bạn đã quen với việc tự quản lý cuộc

sống của mình, điều này có thể khiến việc mở lòng đón nhận một người khác càng trở nên khó khăn. Việc sống một mình quá lâu không chỉ giúp bạn trở nên mạnh mẽ và tự lập hơn mà vô tình còn tạo ra một rào cản trong việc thể hiện cảm xúc và kết nối sâu sắc với người khác. Bạn cảm thấy khó khăn trong việc mở lòng, chia sẻ những khía cạnh nhạy cảm của bản thân và tin tưởng hoàn toàn vào một ai đó mới quen. Việc có ai đó bước vào cuộc sống của bạn làm thay đổi mọi thứ sẽ khiến bạn cảm thấy bối rối thậm chí là hình thành nên những đấu tranh tâm lý trong chính bản thân. Điều này đòi hỏi bạn phải học cách điều chỉnh, dung hòa những cảm xúc và đôi khi là lựa chọn từ bỏ một phần cái tôi của bản thân để có thể tạo dựng một mối quan hệ mới bền vững. Sống quá lâu khiến bạn trở nên càng kén chọn, bởi đã trải qua đủ kinh nghiệm và hiểu rõ mình cần gì ở một mối quan hệ lâu dài. Do đó, việc tìm thấy một người thực sự phù hợp là một thách thức rất lớn, bởi vậy việc bạn phải mất nhiều thời gian hơn để yêu và tìm kiếm một nửa thực sự hòa hợp với mình là điều không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, một khi bạn vượt qua được những rào cản này và tìm thấy người phù hợp, mối quan hệ này sẽ trở nên sâu sắc và ý nghĩa hơn bao giờ hết.

Thứ ba, một trong những hạn chế rõ rệt của việc kết hôn muộn ta có thể thấy rõ ràng nhất đó chính là sự suy giảm về khả năng sinh sản sau ba mươi tuổi. Một nghiên cứu đã chỉ ra rằng, phụ nữ sau ba mươi lăm tuổi khả năng sinh sản sẽ bắt đầu giảm dần do chất lượng trứng suy giảm. Đó cũng là nguyên nhân khiến việc mang thai trở nên khó khăn hơn, ngoài ra việc mang thai ở độ tuổi ngoài ba mươi lăm còn làm tăng nguy cơ mắc phải có biến chứng như sinh non, sản giật hay thậm chí là sảy thai gây nguy hiểm cho cả mẹ và bé. Còn đối với nam giới, tuổi tác cũng có thể ảnh hưởng đến chất lượng tinh trùng, dù mức độ ảnh hưởng ít hơn ở nữ giới. Nhìn chung việc hôn muộn sẽ làm giảm khả năng sinh sản ngoài ra còn làm tăng nguy cơ của các biến chứng nguy hiểm từ đó sẽ kéo theo sự suy giảm tỉ lệ sinh của cả nước. Dưới góc nhìn chung của xã hội thì đây là một trong những nguy cơ đáng báo động, điều này góp phần đẩy nhanh tiến độ già hóa dân số, gây ra những áp lực lên cả hệ thống an sinh xã hội và kinh tế. Khi mà sự thiếu hụt nguồn nhân lực trẻ, năng động sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của đất nước cùng với sự gia tăng gánh nặng chăm sóc cho người cao tuổi. Điều này thậm chí còn có thể làm chậm lại cả quá trình phát triển bền vững của cả

nước, bởi vì một xã hội già sẽ ít có khả năng phát triển, đổi mới và thích ứng cùng với bước tiến của thời đại.

Thứ tư, là vấn đề về cân bằng giữa sự nghiệp và gia đình. Một trong những thách thức lớn nhất của các cặp vợ chồng hiện đại khi đã ở độ tuổi ngoài ba mươi đó chính là việc cân bằng giữa sự nghiệp và gia đình. Ở cái độ tuổi này, người ta thường đã đạt được một mức độ ổn định trong sự nghiệp và có xu hướng muốn tiếp tục phát triển bản thân, nhưng đồng thời cũng phải đối mặt với trách nhiệm mới là xây dựng tổ ấm và nuôi dạy con cái. Đè lên vai họ là áp lực về quản lý thời gian để duy trì ổn định giữa sự nghiệp và gia đình. Khi mà cả hai vợ chồng đều có sự nghiệp riêng của bản thân, việc sắp xếp thời gian dành cho công việc, chăm sóc gia đình hay việc dành thời gian cho nhau càng trở nên rất khó khăn. Đặc biệt trong việc nuôi dạy con cái, việc cân đối giữa sự nghiệp và dành thời gian cho con là một bài toán càng khó khăn hơn. Cách biệt tuổi tác quá lớn cũng là một trong những hạn chế trong việc nuôi dạy con cái. Khi mà cách biệt thế hệ quá lớn dẫn đến sự khác nhau trong quan điểm giáo dục cũng như cách sống về lâu dài có thể gây ra những mâu thuẫn và xung đột không mong muốn trong việc nuôi dạy và trưởng thành cùng con. Sự nghiệp ổn định của bố mẹ có thể giúp cho con cái có được chất lượng cuộc sống tốt hơn, tuy nhiên việc xây dựng một tổ ấm đẹp mà thiếu đi hạnh phúc sẽ là một thất bại lớn của hôn nhân. Hạnh phúc ở đây chỉ có thể được vun trồng bởi bố mẹ bằng cách sắp xếp thời gian cho con, lắng nghe và tâm sự cùng con, cuối cùng là cùng con trưởng thành. Vậy nên có người từng nói rằng: “Nhà không cần quá lớn, nhỏ cũng được miễn là trong đó có đủ tình yêu thương và sự ấm áp.”

Cùng với bước tiến của thời đại, người trẻ ngày nay đang đối mặt với những thay đổi và thách thức mới trong việc định hình cuộc sống của bản thân. Xu hướng kết hôn muộn không chỉ là kết quả của những thay đổi trong lối sống và tư duy mà còn phản ánh sự chuyển dịch của các giá trị xã hội và giá trị cá nhân của các bạn. Như một đồng xu có hai mặt, mặc dù kết hôn muộn mang lại nhiều lợi ích nhưng nó cũng đi kèm với những hạn chế đáng quan ngại. Tuy nhiên, hiểu rõ những hạn chế này giúp chúng ta có cái nhìn toàn diện hơn cho tương lai, từ đó giúp ta có sự chuẩn bị tốt hơn cho cuộc sống hôn nhân về lâu dài.

2.3 Biện pháp

Thứ nhất, chính phủ và các cơ quan, tổ chức nhà nước cần quan tâm, tạo điều kiện và xây dựng môi trường xã hội thuận lợi cho giới trẻ. Về môi trường làm việc, các tổ chức, cơ quan làm việc nên có những hỗ trợ xã hội cho nhân viên của mình, đặc biệt là quan tâm đến đời sống tinh thần. Thực trạng cho thấy, một trong số những nguyên nhân dẫn đến tình trạng “lười yêu”, “kết hôn muộn” ở giới trẻ một phần là do áp lực từ phía công việc. Nhiều bạn trẻ cho rằng, một ngày 24 giờ là không đủ để hoàn thành việc chạy “deadline”, vì thế các bạn không còn nhiều thời gian dành cho một mối quan hệ yêu đương. “Bác sĩ Lê Thị Thúy Hằng, Bệnh viện Tâm thần Trung ương I, cho biết cơ sở này tiếp nhận nhiều trường hợp stress quá mức do khủng hoảng và áp lực công việc.”(1) Do đó, các cơ quan, công ty nên tạo môi trường làm việc thoải mái cho các nhân viên bằng cách thường xuyên tổ chức thăm hỏi, tư vấn tâm lý cũng như các sự kiện giải trí sau giờ làm việc. Những hoạt động này sẽ giúp nhân viên giảm bớt căng thẳng, tăng cường sự gắn kết trong công việc và tạo ra một không gian để họ có thể duy trì và phát triển các mối quan hệ cá nhân. Ngoài ra, việc tổ chức các buổi giao lưu, tiệc tùng hoặc các hoạt động ngoại khóa để nhân viên có cơ hội kết nối, làm quen với đồng nghiệp. Những sự kiện này cũng có thể là cơ hội để họ gặp gỡ và phát triển mối quan hệ tình cảm. Điều này giúp các bạn trẻ dễ dàng tìm kiếm và xây dựng mối quan hệ tình cảm, tiến tới hôn nhân.

Thứ hai, việc vận động thanh niên kết hôn trước 30 cũng là chìa khóa trong việc giải quyết vấn đề kết hôn muộn của giới trẻ hiện nay. Chính phủ và các tổ chức xã hội có thể thực hiện các chiến dịch tuyên truyền rộng rãi về lợi ích của việc kết hôn sớm, nhằm giúp thanh niên nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của hôn nhân đối với sự ổn định và phát triển cá nhân. Theo các chuyên gia, việc nam, nữ kết hôn và có con trước 30 tuổi sẽ đem lại nhiều lợi ích về sức khỏe, tinh thần và hạnh phúc gia đình cho các cặp vợ chồng. Chẳng hạn như việc “an cư lạc nghiệp”, kết hôn sớm sẽ giúp tạo động lực cho cả hai vợ chồng cùng nhau phấn đấu vì mục tiêu chung cũng như chia sẻ những công việc thường ngày, có người cùng chia sẻ, trò chuyện và hỗ trợ nhau. Ngoài ra, trước 35 tuổi, nam nữ thường có sức khỏe mạnh hơn so với các giai đoạn về sau. Việc này giúp hạn chế những bệnh mãn tính xảy ra nếu như phụ nữ mang thai sớm cũng như giảm thiểu nguy cơ mắc bệnh ảnh hưởng đến thai nhi. Sinh con ở độ

tuổi này, đa số mang thai, sinh con sẽ cho ra đời những đứa trẻ thông minh, ít xảy ra tai nạn sản khoa.

Thứ ba, việc tăng cường giáo dục về giá trị gia đình ngay từ trường học và trong cộng đồng là biện pháp thiết yếu. Giáo dục về giá trị gia đình không chỉ là việc giảng dạy lý thuyết về tình yêu và hôn nhân mà còn phải tập trung vào việc giúp giới trẻ hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của gia đình trong cuộc sống. Điều này có thể được thực hiện qua các hoạt động ngoại khóa, hội thảo, và các chương trình tư vấn tâm lý. Các chuyên gia tâm lý và gia đình nên tham gia vào việc giảng dạy và hướng dẫn để truyền đạt những giá trị cốt lõi như sự gắn bó, chia sẻ, trách nhiệm và tình yêu thương giữa các thành viên trong gia đình. Thêm vào đó, việc đưa ra những tấm gương về gia đình hạnh phúc, thành công cũng là một cách để khuyến khích giới trẻ sớm lập gia đình. Khi họ thấy những mô hình gia đình thành công, họ sẽ có cái nhìn tích cực hơn về hôn nhân và không còn lo sợ về trách nhiệm hoặc những khó khăn sau khi kết hôn.

Thứ tư, bên cạnh việc giáo dục về giá trị gia đình, chính phủ cũng cần đưa ra các chính sách hỗ trợ hiệu quả để khuyến khích người trẻ kết hôn và lập gia đình sớm. Hiện nay, một trong những lý do khiến nhiều người trẻ trì hoãn việc kết hôn là vì áp lực tài chính và sự lo lắng về tương lai kinh tế. Những khó khăn trong việc tìm việc làm ổn định, mua nhà, nuôi con đều là các rào cản lớn đối với quyết định lập gia đình của họ. Do đó, việc cải thiện các chính sách hỗ trợ gia đình, đặc biệt là gia đình trẻ, là biện pháp quan trọng. Nhà nước có thể cung cấp các gói hỗ trợ tài chính, như cho vay mua nhà với lãi suất thấp hoặc trợ cấp cho các cặp vợ chồng mới cưới. Ngoài ra, việc mở rộng các chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản, bảo hiểm y tế và giáo dục cũng sẽ giảm bớt gánh nặng cho những người trẻ sau khi kết hôn. Chính phủ cũng có thể áp dụng các biện pháp khuyến khích, như giảm thuế thu nhập hoặc tăng thời gian nghỉ thai sản cho các cặp vợ chồng trẻ. Điều này không chỉ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho họ khi lập gia đình mà còn góp phần đảm bảo một môi trường sống và làm việc ổn định hơn.

KẾT LUẬN

Gia đình là cộng đồng xã hội đặc biệt bao gồm các cá nhân có mối quan hệ hôn nhân (vợ chồng) và huyết thống (cha mẹ và con cái). Chức năng cơ bản của gia đình là: chức năng tái sản xuất ra con người, chức năng nuôi dưỡng và giáo dục, chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng, chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý và duy trì tình cảm, chức năng văn hóa và chính trị.

Các cơ sở để xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội: Cơ sở kinh tế - xã hội, Cơ sở chính trị - xã hội, cơ sở văn hóa, chế độ hôn nhân tiên bộ. Công việc gia đình được chia sẻ đồng đều, giảm bớt gánh nặng cho phụ nữ và tạo điều kiện cho cả hai giới phát triển. Một trong những cơ sở quan trọng để xây dựng gia đình là xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Chế độ tư hữu, trong đó tư liệu sản xuất thuộc về một số cá nhân hoặc giai cấp đã dẫn đến sự bất bình đẳng và bóc lột. Cơ sở chính trị - xã hội nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng đóng vai trò quan trọng trong việc xóa bỏ những luật lệ cũ và lạc hậu đối với phụ nữ. Sự phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ góp phần nâng cao trình độ dân trí, kiến thức khoa học và công nghệ của xã hội, thiếu đi cơ sở văn hóa, hoặc cơ sở văn hóa không đi liền với cơ sở kinh tế, chính trị, thì việc xây dựng gia đình sẽ lệch lạc, không đạt hiệu quả cao. Hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.

Hiện nay, tuổi kết hôn tăng mạnh, tỉ lệ kết hôn giảm, mức sinh thấp, kết hôn muộn, kết hôn ít là một trong những nguyên nhân làm mức sinh giảm tới một nửa. Một số nguyên nhân chủ yếu: Một là, nỗi lo về tài chính không ổn định, cộng thêm áp lực kinh tế chi phí sinh hoạt, giá nhà đất, nuôi dạy con cái và các khoản chi phí khác ngày càng tăng cao, khiến việc xây dựng một cuộc sống gia đình ổn định là một thách thức lớn đối với thế hệ trẻ. Hai là, bị ảnh hưởng bởi những điều không tốt về tình yêu và hôn nhân. Không những thế, những hành động lừa dối, không rõ ràng trong tình cảm, yêu nhiều người cùng một lúc,... đang dần trở nên phổ biến trong thế hệ Gen Z ngày nay. Ba là, quan niệm về tình yêu của giới trẻ đã thay đổi, mối quan hệ tự do, không ràng buộc được cho là xu hướng.

Kết hôn muộn ngày càng trở thành một xu hướng phổ biến trong giới trẻ. Bên cạnh đó, không thể không nhận định ra rằng, kết hôn muộn có nhiều mặt tích cực, bao gồm: Phát triển bản thân: Người trẻ có thời gian học tập cải thiện bản thân, liên tục

mở rộng, nâng cao khả năng. Tìm kiếm sự tương thích, từ đó lựa chọn một mối quan hệ phù hợp hơn. Độc lập tài chính cũng là một yếu tố quan trọng giúp giảm bớt áp lực cho cả hai bên trong mối quan hệ. Trong giai đoạn trưởng thành, nhiều người có thể trải nghiệm sự tự do và độc lập, từ đó học hỏi và phát triển một cách toàn diện. Khả năng ly hôn thấp: Khả năng ly hôn thấp là một trong những lợi ích nổi bật của việc kết hôn muộn.

Việc kết hôn muộn cũng tiềm ẩn trong đó là thách thức và hệ lụy về lâu dài mà ta cần phải cân nhắc như: áp lực từ gia đình và xã hội sẽ là một trong những thách thức lớn nhất mà các bạn trẻ lựa chọn kết hôn muộn phải đối mặt. Vấn đề về sức khỏe sinh sản sau ba mươi đó chính là sự suy giảm về khả năng sinh sản. Việc cân bằng giữa sự nghiệp và gia đình là một trong những thách thức lớn nhất của các cặp vợ chồng hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Cường. (2024). Gen Z - thế hệ sợ yêu và thích một mình. Báo điện tử VTC News
2. Tạp chí Tri thức. Tuổi kết hôn của người Việt Nam đã trên 27. Vietnamnet
3. Tâm Nguyên. (2024). VARS: Giá nhà tăng cao thúc đẩy xu hướng “ngại cưới, lười sinh”. Vneconomy
4. Thùy An. (2024). Kiệt quệ khi làm 14 tiếng mỗi ngày. Báo Online VnExpress
5. Tuệ Anh. (2023). Vận động kết hôn trước 30 tuổi: Góp phần giải quyết thách thức về dân số. Báo Pháp luật Việt Nam
6. Võ Thu. (2024). Độ tuổi kết hôn của người Việt ngày càng cao, vùng nào muộn nhất?. Vietnamnet
7. Vũ Thị Minh Huyền. (2023). Nhiều người trẻ không muốn hôn nhân ràng buộc. Báo Online VnExpress
8. Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2024). Xu hướng kết hôn muộn của giới trẻ hiện nay. Bộ môn Tâm lý học - Đại học Hà Tĩnh
9. Thủy Kiều (2024). Lợi ích khi kết hôn muộn. Báo Giáo dục và Thời đại
10. Mỹ Hà (2020). Làm gì để giới trẻ gạt bỏ tâm lý ngại kết hôn, không muốn có con
11. Nguyễn Thị Minh Trang , Nguyễn Thị Trang, Phạm Đức Việt, Nguyễn Mai Hương, Nguyễn Việt Thành (2023). Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định kết hôn muộn của giới trẻ đang sinh sống và làm việc trên địa bàn Hà Nội. Trường Đại học Ngoại thương.
12. Đoàn Mỹ Duyên; Nguyễn Thị Hạnh; Huỳnh Thị Diễm (2016). Các yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề kết hôn của nữ công nhân nhập cư (Nghiên cứu trường hợp nữ công nhân ở trọ tại khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, TP.HCM). Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
13. Lệ Hà (2023). Xu hướng người trẻ kết hôn muộn, ngại sinh con gia tăng. Báo Lao Động